TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2025
"V/v yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Hồ Thị Hoa**

2- Ông **Nguyễn Tấn Hưng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Phan Thị Trúc Thư**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Danh Bình**. Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 188/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc *"Yêu cầu ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 39/2025/HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lư Văn D**, sinh năm 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã HV, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

Chổ ở hiện nay: Ấp TA, xã ĐT, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Chị **Trương Thị Tuyết D**, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT B, xã ĐT, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2024 và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lư Văn D trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Do quen biết, anh và chị Trương Thị Tuyết D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018 và đến năm 2021 thì hai người mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện AM, tỉnh Kiên

Giang và được cấp chứng nhận kết hôn số 72/2021 ngày 18/6/2021. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về mọi mặt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Sau đó, anh đi chấp hành án ở BT về thì chị Trương Thị Tuyết D bỏ nhà đi, không biết đi đâu nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trương Thị Tuyết D .

- Về con chung: Anh và chị D chung sống với nhau nhưng chưa có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị D không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị Tuyết D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lư Văn D.

Tại phiên tòa: Anh Lư Văn D giữ nguyên yêu cầu ly hôn chị Trương Thị Tuyết D, về con chung; tài sản chung và nợ chung anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh D trình bày là sau khi anh chấp hành án phạt ở tỉnh Bình Thuận về địa phương khoảng tháng 5 năm 2022 thì chị D đã bỏ nhà đi trước đó cho đến nay không có liên lạc gì với anh và trong thời gian anh chấp hành án thì chị D cũng không có đến thăm anh.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lư Văn D được ly hôn với chị Trương Thị Tuyết D

Về con chung, tài sản và nợ chung: Anh D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản

1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Trương Thị Tuyết D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Tuyết D.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Anh D và chị D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện AM, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/6/2021 nên quan hệ hôn nhân của anh D và chị D là hợp pháp.

Anh D yêu cầu ly hôn với chị D, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp nhau về mọi mặt, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, khi anh đi chấp hành án phạt tù thì chị D bỏ nhà đi cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị D biết về việc anh D yêu cầu ly hôn và thông báo cho chị D đến Tòa án tham gia hòa giải nhưng chị D đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh D.

Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng giữa anh D và chị D không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, vợ chồng ly thân với nhau từ khi anh D chấp hành án phạt tù cho đến nay. Từ đó cho thấy hôn nhân của anh D và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D, cho anh D được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh D xác định là trong thời gian vợ chồng chung sống, anh và chị D không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh D trình bày là anh và chị D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lư Văn D phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

anh D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0005226 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lư Văn D được ly hôn với chị Trương Thị Tuyết D.

2. Về con chung: Anh D xác định là trong thời gian vợ chồng chung sống, anh và chị D không có con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh D xác định anh D và chị D không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lư Văn D phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0005226 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/4/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *CCTHADS huyện;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh